

Số: 42/2019/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 11 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chế độ hỗ trợ và các khoản đóng góp đối với người
cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng;

Căn cứ Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02/12/2003 và Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;

Xét Tờ trình số 292/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chế độ hỗ trợ và các khoản đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang như sau:

1. Đối tượng áp dụng

a) Cơ sở cai nghiện ma túy công lập (trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) và các tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng theo quy định của pháp luật;

b) Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập;

c) Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng;

d) Không áp dụng đối với người nghiện ma túy đang điều trị thay thế bằng thuốc Methadone.

2. Nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

a) Hỗ trợ cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập 01 lần cai nghiện/năm, bao gồm các khoản như sau:

Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần: 400.000 đồng/người/lần cai nghiện;

Tiền ăn: 0,8 mức lương cơ sở/người/tháng;

Tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với học viên nữ: 0,9 mức lương cơ sở/người/lần cai nghiện;

Tiền điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường: 250.000 đồng/người/lần cai nghiện;

Chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, xét nghiệm tìm chất ma túy và các xét nghiệm khác: 200.000 đồng/người/lần cai nghiện;

Tiền sinh hoạt văn nghệ, thể thao: 70.000 đồng/người/lần cai nghiện;

Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng;

Tiền học nghề: 2.000.000 đồng/người/khoá học.

b) Hỗ trợ một lần tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần: 400.000 đồng/người/lần cai nghiện/năm cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật;

c) Các đối tượng được hỗ trợ quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 1 là người có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang;

d) Đối với người nghiện ma túy không có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Bắc Giang tự nguyện cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập được hỗ trợ tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần: 400.000 đồng/người/lần cai nghiện;

e) Các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều này được hỗ trợ mỗi năm 01 lần cai nghiện (tối đa 6 tháng);

g) Hình thức hỗ trợ

Kinh phí hỗ trợ quy định tại điểm a, d Khoản 2 Điều này được cấp về cho cơ sở cai nghiện ma túy công lập để thực hiện nhiệm vụ điều trị, chữa bệnh, cai nghiện cho người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện tập trung tại cơ sở.

Kinh phí hỗ trợ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này được cấp về cho tổ chức cai nghiện tại gia đình, cộng đồng để thực hiện nhiệm vụ điều trị, chữa bệnh cai nghiện cho người nghiện ma túy tự nguyện cai nghiện tại gia đình, cộng đồng.

3. Nội dung và mức đóng góp

a) Mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập khi hết thời gian hỗ trợ 06 tháng/năm, bao gồm các khoản như sau:

Tiền ăn: 0,8 mức lương cơ sở/người/tháng;

Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng.

b) Mức đóng góp đối với người nghiện ma túy không có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (người tỉnh khác) tự nguyện cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, bao gồm các khoản như sau:

Tiền ăn: 0,8 mức lương cơ sở/người/tháng;

Tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với học viên nữ: 0,9 mức lương cơ sở/người/lần cai nghiện;

Tiền điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường: 250.000 đồng/người/lần cai nghiện;

Chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, xét nghiệm tìm chất ma túy và các xét nghiệm khác: 200.000 đồng/người/lần cai nghiện;

Tiền sinh hoạt văn nghệ, thể thao: 70.000 đồng/người/lần cai nghiện;

Tiền điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/người/tháng;

Tiền học nghề: 2.000.000 đồng/người/khoá học (nếu đối tượng có nhu cầu).

c) Mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, bao gồm các khoản như sau:

Tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần: 400.000 đồng/người/lần cai nghiện;

Chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, xét nghiệm tìm chất ma túy và các xét nghiệm khác: 200.000 đồng/người/lần cai nghiện;

Tiền ăn trong thời gian cắt cơn tại cộng đồng: 40.000 đồng/người/ngày.

4. Các nội dung khác có liên quan không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện.

5. Kinh phí thực hiện

a) Đối với người cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập: Ngân sách tỉnh bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội hàng năm của đơn vị.

b) Đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng: Ngân sách các huyện, thành phố bố trí trong dự toán chi đảm bảo xã hội của ngân sách xã, phường, thị trấn.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Các quy định về các khoản đóng góp và chế độ miễn giảm đối với người tự nguyện cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và cơ sở cai nghiện công lập được quy định tại Điểm a, b, c Khoản 1; Khoản 2, 3, 4 Điều 1 Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 05/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy

định các khoản đóng góp và chế độ miễn, giảm đối với người tự nguyện chữa trị, cai nghiện ma túy tại cơ sở điều trị nghiện; người cai nghiện ma túy bắt buộc, tự nguyện tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

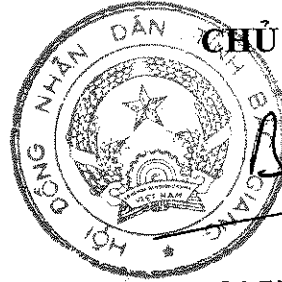
Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khoá XVIII, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Lao động-TB&XH, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể nhân dân cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Huyện ủy, thành ủy UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

Bản điện tử:

- Thường trực, các Ban của HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh.



CHỦ TỊCH

Bùi Văn Hải